

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10/11/2023
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiến và ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 25/10/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh H, sinh năm 1996, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Chị P, sinh năm 1997, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày: Chị P và anh H kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/12/2017. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc.

Giữa anh H và chị P có 01 con chung, cháu D- sinh ngày 26/11/2018, hiện nay cháu đang ở với chị P - địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông, cháu Phụng đang học mẫu giáo,

Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Mẫu thuẫn dẫn đến ly hôn: Anh H và chị P phát sinh mâu thuẫn trong lối sống, trong sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Ngoài ra, anh H và chị P không thống nhất được về mặt kinh tế, công việc. Dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, vợ chồng không còn thương yêu, không quý trọng nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, chỉ biết bôn phận của riêng mình, bỏ mặc nhau. Mặc dù anh H và chị P đã nói chuyện với nhau rất nhiều lần nhưng vẫn không thể H giải được và không có tiếng nói chung. Anh H và chị P đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Nay anh H xin ly hôn với chị P. Về con chung: Anh H đồng ý giao cháu D cho chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị P: Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã niêm yết các văn bản tố tụng cho chị P, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Nhưng tại phiên tòa, chị P trình bày: Chị P và anh H kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/12/2017. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Giữa anh H và chị P có 01 con chung, cháu D- sinh ngày 26/11/2018, hiện nay cháu đang ở với chị P - địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông, cháu D đang học mẫu giáo. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Nay chị P đồng ý ly hôn với anh H, vì anh H có người phụ nữ khác và không còn thương yêu chị P. Chị P có nguyện vọng được nuôi cháu D. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu trong vụ này và sẽ yêu cầu sau; tài sản chung và công nợ không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, nguyên đơn ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Bị đơn chị P không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng tại phiên tòa xét xử ngày hôm nay chị P có mặt, như vậy cũng tự bảo vệ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện và cho anh H được ly hôn với chị P (chấm dứt hôn nhân). Giao cháu D cho chị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; cấp dưỡng các đương sự không yêu

cầu giải quyết trong vụ án này. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ, đương sự không yêu cầu giải quyết. Buộc anh H chịu án phí 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn anh H và chị P. Bị đơn chị P đang sinh sống tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị P: Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trong vụ án theo quy định pháp luật đối với chị P, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày hôm nay, chị có mặt và tham gia phiên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Chị P và anh H xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 175/2017 vào ngày 04/12/2017. Do đó, hôn nhân giữa anh H và chị P là hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Anh H và chị P phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Dẫn đến hai vợ chồng không còn thương yêu, không quý trọng nhau, bỏ mặc nhau. Từ đó, anh H và chị P đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, hai người sống hai nơi khác nhau và không còn liên lạc với nhau.

Như vậy, mâu thuẫn giữa anh H và chị P đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn và cho anh H được ly hôn với chị P.

[5] Con chung: Cháu D – sinh ngày 26/11/2018 đang sinh sống cùng với chị P, tại phiên tòa chị P có nguyện vọng được quyền nuôi con. Anh H đồng ý giao cháu D cho chị P nuôi dưỡng, hiện anh H đang đi làm xa nên không có thời gian chăm cháu Phụng được. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu D cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con chung, bị đơn chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 94; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh H đối với chị P.
2. Về hôn nhân: Anh H được ly hôn với chị P (chấm dứt hôn nhân).
3. Về con chung: Giao cháu D – sinh ngày 26/11/2018 cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị P không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung của anh H.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại các Điều 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007421, ngày 26/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- UBND xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hồng Duy